TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÀU BÀNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2020/HS-ST
Ngày: 28-9-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông La Văn Châu.

Ông Nguyễn Mai Khanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Phương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Võ Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 41/2020/TLST-HS ngày 07 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2020/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 9 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Phạm Minh T, sinh năm 1996 tại Bình Dương; nơi cư trú: khu phố 8, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn C và bà Nguyễn Thị D; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2016/HSST ngày 29 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xử phạt bị cáo Phạm Minh T 02 (hai) năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy; bị bắt, tạm giữ ngày 30 tháng 4 năm 2020, đến ngày 09 tháng 5 năm 2020 tạm giam, có mặt.

2. Phạm Lê T1 (tên thường gọi khác: A1), sinh năm 1986 tại Bình Dương; nơi cư trú: khu phố 4, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: cạo mủ cao su; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Lê E và bà Nguyễn Thị Lâm F; có vợ là Phạm Thị Phương G và 01 con sinh năm 2007; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 138/2003/HSST ngày 18 tháng 7 năm 2003 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xử phạt Phạm Lê T1 27 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời hạn thử thách là 03 năm về tội Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng; bị bắt, tạm giữ ngày 30 tháng 4 năm 2020, đến ngày 09 tháng 5 năm 2020 tạm giam, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Khoảng 00 giờ ngày 30 tháng 4 năm 2020, lực lượng Công an xã H, huyện I kết hợp Công an huyện I tiến hành kiểm tra hành chính đối với Phạm Minh T và Phạm Lê T1 khi T đang điều khiển xe mô tô biển số 61G1-656.59 đi trên đường F1, ấp G1, xã H, huyện I, tỉnh Bình Dương chở theo T1 ở phía sau. Qua kiểm tra phát hiện bắt quả tang trong túi áo khoác của T đang mặc có một bao thuốc lá hiệu Hòa Bình bên trong có 01 gói nilon miệng kéo dính chứa chất màu trắng dạng tinh thể nghi là ma túy đá. Tiếp tục kiểm tra phát hiện trong túi quần Jean T1 đang mặc có một bao thuốc lá hiệu Hòa Bình bên trong có 01 ống thủy tinh chứa chất màu trắng (ngả vàng đục) nghi là ma túy đá. Lực lượng chức năng đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với T và T1.

Qua làm việc, T khai nhận tang vật trên là ma túy đá. Số ma túy này T mua của một người tên M (không rõ nhân thân lai lịch). Số ma túy này T mua tại khu vực cầu K (thuộc địa bàn thành phố L, tỉnh Bình Dương) với giá 1.000.000 đồng (một triệu đồng) để sử dụng. Sau khi mua xong T sử dụng một ít, chiều tối cùng ngày T rủ T1 đi N, tỉnh Bình Phước để chơi với bạn của T. Khi đi T mang theo gói ma túy vừa mua được để sụng dụng chung với bạn của T tại huyện N, tỉnh Bình Phước. Việc T cất giấu gói ma túy này T1 không biết.

Qua quá trình làm việc, T1 cũng khai nhận ống thủy tinh (dụng cụ sử dụng ma túy) có chứa ma túy bị thu giữ là của T1. Do trong lúc sử dụng ma túy tại nhà người quen của T ở huyện N, tỉnh Bình Phước, T1 thấy trong ống thủy tinh này còn chứa ma túy và còn sử dụng được nên T1 mang về tiếp tục sử dụng tiếp. Việc T1 cất giấu ống thủy tinh trong người có chứa ma túy này T không biết.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo T và bị cáo T1 thừa nhận sự việc phạm tội đúng như Cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo T và bị cáo T1 đủ yếu tố cấu thành Tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

Về các vấn đề khác của vụ án:

Theo Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 30 tháng 4 năm 2020 (bút lục số 02 và số 03), Công an huyện Bàu Bàng đã tạm giữ của bị cáo T và bị cáo T1: 01 gói nilon miệng kéo dính bên trong chứa chất màu trắng dạng tinh thể thu giữ của Phạm Minh T; 01 ống thủy tinh có chứa chất màu trắng (đã ngả màu vàng đục) dạng tinh thể của Phạm Lê T1; 01 Giấy đăng ký xe mô tô số 025405 mang tên Phạm Minh T; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Winer biển số 61G1-65659; số khung 2608GY353505, số máy KC26E1199681.

Tại Kết luận giám định số 264/MT-PC09 ngày 08 tháng 05 năm 2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương (bút lục số 42) kết luận: mẫu tinh thể màu trắng, gửi giám định là ma túy, có khối lượng: 2,7258 gam (M1); 0,1676 gam (M2) loại Methamphetamine.

Về xử lý vật chứng:

Xe mô tô nhãn hiệu Honda Winer biển số 61G1-65659; số khung 2608GY353505, số máy KC26E1199681 và 01 Giấy đăng ký xe mô tô số 025405 mang tên Phạm Minh T. Qua xác minh xét không liên quan đến vụ án nên đề nghị trả lại cho Phạm Minh T.

Đối với hai bì thư được niêm phong ghi số 264/PC09 M1; 264/PC09 M2 (là mẫu vật chứng giám định số 94 ngày 30 tháng 4 năm 2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng có chữ ký của Phạm Minh T; Phạm Lê T1 (người chứng kiến), Bùi Đức O (Cán bộ giao mẫu), Đoàn Nguyễn Thiện Q (Giám định viên/Trợ lý giám định) và hình dấu đỏ niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương, khối lượng mẫu vật niêm phong M1: 2,6133 gam; M2: 0,1309 gam xét thấy không có giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu và tiêu hủy.

Đối với đối tượng tên M, khi nào làm rõ nhân thân lai lịch cụ thể sẽ xử lý sau.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Kiểm sát viên, bị cáo T và bị cáo T1 không có ý kiến gì về các vấn đề trên.

Về trích dẫn cáo trạng của Viện kiểm sát:

Bản Cáo trạng số 40/CT-VKSBB ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Phạm Minh T và Phạm Lê T1 về "Tội tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Về mức hình phạt:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Phạm Minh T, xử phạt bị cáo T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Phạm Lê T1, xử phạt bị cáo T từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Về xử lý vật chứng:

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Winer biển số 61G1-65659; số khung 2608GY353505, số máy KC26E1199681 và 01 Giấy đăng ký xe mô tô số 025405 mang tên Phạm Minh T xét thấy không liên quan đến vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo T.

Đối với ma túy hoàn lại sau khi giám định có khối lượng mẫu vật niêm phong M1: 2,6133 gam; M2: 0,1309 gam xét thấy không có giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu và tiêu hủy.

Tại phiên tòa, bị cáo T và bị cáo T1 không tranh luận gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát và luận tội của Kiểm sát viên.

Bị cáo nói lời sau cùng:

Bị cáo T: bị cáo sai trái, ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ để bị cáo sớm trở về với gia đình.

Bị cáo T1: xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng khác của Cơ quan điều tra Công an huyện Bàu Bàng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo T và bị cáo T1 khai nhận: khoảng 00 giờ ngày 30 tháng 4 năm 2020, bị cáo T và bị cáo T1 đã có hành vi cất giữ chất ma túy 01 gói nilon miệng kéo dính chứa chất màu trắng trong bao thuốc lá Hòa Bình cất giấu trong túi áo khoác của bị cáo T; 01 ống thủy tinh chứa chất màu trắng đã ngả vàng đục cất giấu trong một bao thuốc lá hiệu Hòa Bình ở trong túi quần Jean của bị cáo T1 khi bị cáo T đang điều khiển xe mô tô biển số 61G1-656.59 đi trên đường đường F1, ấp G1, xã H, huyện I, tỉnh Bình Dương chở theo T1 ở phía sau. Việc bị cáo T cất giữ ma túy trong người bị cáo T1 không biết; bị cáo T1 cất giấu ma túy bị cáo T cũng không biết. Các bị cáo cất giấu ma túy để sử dụng thì bị bắt quả tang.

Qua trưng cầu giám định chất ma túy xác định, mẫu tinh thể màu trắng thu giữ của bị cáo T và bị cáo T1 gửi giám định là ma túy, có khối lượng M1: 2,6133 gam; M2: 0,1309 gam, loại Methamphetamine.

Xét lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án, nội dung bản Cáo trạng và diễn biến tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để kết luận bị cáo T và bị cáo T1 phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, Cáo trạng truy tố các bị cáo theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi phạm tội của các bị cáo có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội lớn, không chỉ xâm phạm đến trật tự quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy mà còn là nguyên nhân làm gia tăng các tệ nạn về ma túy và các tệ nạn xã hội khác. Vì vậy, việc đưa các bị cáo ra xét xử là hoàn toàn cần thiết.

[4] Trong vụ án này, các bị cáo có nhân thân xấu bị cáo T đã bị xử phạt về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", bị cáo T1 đã bị xử phạt về tội "Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng". Các bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện, ngang nhiên đưa ma túy vào đời sống xã hội, gây khó khăn cho việc đấu tranh phòng, chống tội phạm của Nhà nước ta; mặt khác còn ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của chính bị cáo. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử quyết định xử các bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như sau:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt tù đối với các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Hội đồng xét xử quyết định cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật.

[7] Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 46, điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: tịch thu tiêu hủy vật chứng là vật cấm tàng trữ là chất ma túy Methamphetamine (hai bì thư được niêm phong ghi số 264/PC09 M1; 264/PC09 M2 (là mẫu vật chứng giám định số 94 ngày 30 tháng 4 năm 2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng có chữ ký của Phạm Minh T; Phạm Lê T1 (người chứng kiến), Bùi Đức O (Cán bộ giao mẫu), Đoàn Nguyễn Thiện Q (Giám định viên/Trợ lý giám định) và hình dấu đỏ niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương, khối lượng mẫu vật niêm phong M1: 2,6133 gam; M2: 0,1309 gam).

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Winer biển số 61G1-65659; số khung 2608GY353505, số máy KC26E1199681và 01 Giấy đăng ký xe mô tô số 025405 cho bị cáo Phạm Minh T.

[8] Đối tượng tên M, khi nào làm rõ nhân thân lai lịch cụ thể sẽ xử lý sau.

[9] Về án phí: mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Phạm Minh T và Phạm Lê T1.

Tuyên bố các bị cáo Phạm Minh T và Phạm Lê T1 phạm "Tội tàng trữ trái phép chất ma túy".

Xử phạt bị cáo Phạm Minh T 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30 tháng 4 năm 2020.

Xử phạt bị cáo Phạm Lê T1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30 tháng 4 năm 2020.

Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 46, điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: tịch thu tiêu hủy chất ma túy Methamphetamine theo hai bì thư được niêm phong ghi số 264/PC09 M1; 264/PC09 M2 (là mẫu vật chứng giám định số 94 ngày 30 tháng 4 năm 2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng có chữ ký

của Phạm Minh T; Phạm Lê T1 (người chứng kiến), Bùi Đức O (Cán bộ giao mẫu), Đoàn Nguyễn Thiện Q (Giám định viên/Trợ lý giám định) và hình dấu đỏ niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương, khối lượng mẫu vật niêm phong M1 = 2,6133 gam; M2: 0,1309 gam).

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: trả lại 01 mô tô nhãn hiệu Honda Winer biển số 61G1-65659; số khung 2608GY353505, số máy KC26E1199681và 01 Giấy đăng ký xe mô tô số 025405 cho bị cáo Phạm Minh T

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 05 tháng 8 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương).

Về án phí: căn cứ vào Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23, mục 1 Phần I Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo) của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Công an huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án (nếu có);
- Lưu: hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Tùng